VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2010

Số: 460/CV-VP
Về đính chính văn bản.

Kính gửi:
- Các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố;
- Ủy ban nhân dân thành phố.

Do sơ suất trong khâu đánh máy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố đính chính sai sót tại Phụ lục Biểu mức thu phí qua các bến phà trên địa bàn thành phố (bến phà Thủ Thiêm, Bình Khánh và Cát Lái) áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 *(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2010/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố)* như sau:

Tại dòng số thứ tự 07 của Phụ lục Biểu mức thu phí qua các bến phà trên địa bàn thành phố (bến phà Thủ Thiêm, Bình Khánh và Cát Lái) áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 *(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2010/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố)* quy định mức thu phí đối với xe ôtô con dưới 7 chỗ ngồi tại Bến phà Thủ Thiêm là **11.000 đồng/xe**.

Nay sửa lại là:

Mức thu phí đối với xe ôtô con dưới 7 chỗ ngồi tại Bến phà Thủ Thiêm là **12.000 đồng/xe.**

(đính kèm Phụ lục đính chính Biểu mức thu phí qua các bến phà trên địa bàn thành phố (bến phà Thủ Thiêm, Bình Khánh và Cát Lái) áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2011**)**./.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Đỗ Kim Thúy

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09574517

PHỤ LỤC

Biểu mức thu phí qua các bến phà trên địa bàn thành phố
(bến phà Thủ Thiêm, Bình Khánh và Cát Lái)
áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2011

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2010/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Số TT	Đối tượng qua phà	Đơn vị tính	Bến Thủ Thiêm	Bến Cát Lái	Bến Bình Khánh
1	Hành khách đi bộ	đồng/người	1.000	1.000	1.000
2	Hành khách đi xe đạp	đồng/người-xe	1.000	1.000	1.000
3	Hành khách đi xe gắn máy	đồng/người-xe	2.000	3.000	4.500
4	Xe thô sơ không hàng	đồng/xe	2.000	3.000	6.000
5	Xe thô sơ có hàng	đồng/xe	3.500	6.000	12.000
6	Xe 3 bánh	đồng/xe	6.000	6.000	8.000
7	Xe ôtô con dưới 7 chỗ ngồi	đồng/xe	**12.000**	15.000	23.000
8	Xe khách từ 7 đến 20 chỗ ngồi	đồng/xe	16.000	20.000	28.000
9	Xe khách từ 20 đến 30 chỗ ngồi	đồng/xe	18.000	22.000	31.000
10	Xe khách trên 30 chỗ ngồi	đồng/xe	22.000	30.000	46.000
11	Xe tải dưới 3 tấn	đồng/xe	17.000	25.000	39.000
12	Xe tải từ 3 đến dưới 5 tấn	đồng/xe	24.000	30.000	46.000
13	Xe tải từ 5 đến dưới 7 tấn	đồng/xe	36.000	48.000	77.000
14	Xe tải từ 7 đến dưới 10 tấn	đồng/xe	48.000	60.000	93.000
15	Xe tải từ 10 đến dưới 13 tấn hoặc xe đầu kéo không rơ moóc	đồng/xe	60.000	72.000	108.000
16	Xe tải từ 13 đến dưới 15 tấn	đồng/xe	72.000	84.000	124.000
17	Xe tải từ 15 tấn trở lên	đồng/xe		108.000	185.000
18	Xe đầu kéo rơ moóc	đồng/xe		144.000	232.000

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09574517